

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

Bản án số: 75/2024/HS-ST

Ngày: 11-12-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Thông
2. Bà Nguyễn Thị Chín

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Tiến- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại Trụ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. R, Giới Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 21/6/2006, tại tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Tin lành; Số CCCD: 064206018172; Trình độ học vấn: 1/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông N và bà H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân:

-Ngày 23/4/2023, phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa đình chỉ vụ án, đình chỉ bị cáo lý do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố.

-Ngày 07/5/2023 đến ngày 11/8/2023, phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa xử phạt 09 tháng tù tại Bản án số 08/2024/HS-ST ngày 29/02/2024.

-Ngày 30/12/2023 đến ngày 01/01/2024, phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ1-Cục C2-Bộ C3 thuộc huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 14/6/2005, tại tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Tin lành; Số CCCD: 064205018035; Trình độ học vấn:

2/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Rah L BLông; và bà Đ; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

-Ngày 23/4/2023, phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Vụ án được Toà án nhân dân huyện Đak Đoa đình chỉ vụ án, đình chỉ bị cáo lý do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố.

-Ngày 30/12/2023 đến ngày 01/01/2024, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

-Ngày 04/9/2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ bắt tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 01/LBTG-VKS ngày 04/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ từ ngày 04/9/2024 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15/11/2005, tại tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Tin lành; Số CCCD: 064205017340; Trình độ học vấn: 1/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Kpa T A M; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

-Ngày 23/4/2023, phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Vụ án được Toà án nhân dân huyện Đak Đoa đình chỉ vụ án, đình chỉ bị cáo lý do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố.

-Ngày 07/5/2023 đến ngày 11/8/2023, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị Toà án nhân dân huyện Đak Đoa xử phạt 08 tháng tù tại Bản án số 08/2024/HS-ST ngày 29/02/2024.

-Ngày 30/01/2024, phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bị Toà án nhân dân huyện Đak Đoa xử phạt 15 tháng tù, tổng hợp hình phạt 08 tháng tù tại Bản án số 08/2024/HS-ST ngày 29/02/2024 của Toà án nhân dân huyện Đak Đoa, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 23 tháng tù theo Bản án số 44/2024/HS-ST ngày 19/7/2024. Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ2-Cục C2-Bộ C3 thuộc huyện M, tỉnh Đăk Lăk.

Ngày 30/12/2023 đến ngày 01/01/2024, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị can; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. T1; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 29/11/2007, tại tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Tin lành; Số CCCD: 064207017705; Trình độ học vấn: 1/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông T2 và bà X; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Theo Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 153/KL-KTHS ngày 17/7/2024 của Phân viện khoa học kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Độ tuổi của T1 tại thời điểm giám định (tháng 7/2024) là từ 16 năm 6 tháng đến 17 năm.

- Độ tuổi của T1 tính đến ngày 30/12/2023 là từ 15 năm 11 tháng đến 16 năm 5 tháng.
- Độ tuổi của T1 tính đến ngày 01/01/2024 là từ 16 năm đến 16 năm 6 tháng.

Ngày 07/5/2023 đến ngày 11/8/2023, nhiều lần thực hiện hành vi “*Trộm cắp tài sản*”. Tuy nhiên, tại thời điểm trên bị cáo chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Ngày 01/01/2024, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo R*: Bà H, sinh năm: 1980; Trú tại: Thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (Là mẹ đẻ). *Có mặt*.

* *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T1*: Ông T2, sinh năm: 1988; Trú tại: Thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (Là cha đẻ). *Có mặt*.

- *Bị hại*:

1. Ông T3, sinh năm: 1982; Trú tại: Làng N, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt*.

2. Ông Bùi Văn T4, sinh năm: 1982; Trú tại: Thôn F, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt*.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

Anh Chi S, sinh ngày: 21/8/2008; Trú tại: Thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. *Có mặt*.

Người đại diện hợp pháp cho anh Chi S: Ông X1, sinh năm: 1978; Trú tại: Thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (Là cha đẻ). *Có mặt*.

- *Người phiên dịch*: Bà H1; Trú tại: Làng P, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 30/12/2023 đến ngày 01/01/2024, T5, T1, R, Thuê Chi Sơn (sinh ngày 21/8/2008 trú tại thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 18 giờ ngày 30/12/2023, T1 từ nhà đi đến quán nét “Luu” thuộc thôn H, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để chơi thì gặp T5, R, T6, C đang chơi nét tại đây. Ngồi chơi một lúc thì R rủ tất cả đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, tất cả đồng ý. Lúc này, T5 cầm theo 01 cây sắt dài khoảng 01 mét ở quán nét rồi cùng R lên xe mô tô biển số 81B3-089.12 do T1 điều khiển chở đi còn Chi điều khiển xe mô tô biển số 81B3-251.96 chở Thuê đi về hướng thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Khi đến thôn O, tất cả giấu xe ở bụi cỏ trong vườn cà phê rồi đi bộ đến nhà rẫy của anh Bùi Văn T4 (sinh năm 1982, trú tại thôn F, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) quan sát thấy không có ai trông coi nên tất cả đi đến giếng nước, T1 nhặt 01 con dao trước nhà rẫy cách giếng khoảng 50m dùng để cắt dây điện và ống nước thả xuống dưới giếng, rồi tất cả cùng kéo lên lượt 02 máy bơm nước từ dưới giếng lên (trong đó: 01 máy bơm nước màu xám, loại bơm chìm, 7.5HP, nhãn hiệu TD và 01 máy bơm màu xám, loại bơm chìm, 7.5 HP, nhãn hiệu TD) mang ra xe chở

đến tiệm mua bán phế liệu của anh Nguyễn Vĩnh Q (sinh năm 1980) thuộc làng M, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai bán 02 máy bơm được số tiền 1.800.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS ngày 15/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận:

- + 01 máy bơm nước màu xám, loại bơm chìm, 7.5HP, nhãn hiệu TD mua vào tháng 01/2020 có trị giá tại thời điểm định giá (12/2023) là 4.500.000 đồng;

- + 01 máy bơm màu xám, loại bơm chìm, 7.5 HP, nhãn hiệu TD mua vào tháng 01/2021 có trị giá tại thời điểm định giá (12/2023) là 5.000.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản anh Bùi Văn T4 bị trộm cắp là 9.500.000 đồng.

Lần thứ 2: Vào khoảng 20 giờ ngày 31/12/2023, R, T5, T1, S gặp nhau tại quán nét “L1” thì R rủ cùng nhau đến nhà rẫy của anh Bùi Văn T4 tại thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để trộm cắp tài sản thì tất cả đồng ý. T1 điều khiển xe mô tô biển số 81B3-089.12 chở T5 còn R điều khiển xe mô tô biển số 81B3-251.96 chở S. Khi đến nơi, tất cả giấu xe mô tô ở bụi cây trong vườn cà phê rồi đi bộ đến nhà rẫy. Tran dùng cây sắt cạy gãy khóa cửa để tất cả đi vào trong nhà rẫy trộm cắp được 03 béc tưới nước, 01 dàn máy phun thuốc trừ sâu, 02 chai thuốc trừ sâu, 05 chai thuốc phân bón lá và 03 bịch phân lân rồi mang xe chở đến tiệm phế liệu của anh Nguyễn Vĩnh Q1 thuộc làng M, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai bán được số tiền 1.400.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS ngày 15/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận:

- + 03 cây béc tưới nước màu xanh, gắn ống dẫn dài 03m mua vào tháng 01/2022 có trị giá tại thời điểm định giá (12/2023) là 1.500.000 đồng;

- + 02 chai thuốc trừ sâu bình trắng, nắp đỏ, tên BISECTOR 500EC, hiệu Nhật Khang mua vào tháng 10/2023 có trị giá tại thời điểm định giá (12/2023) là 500.000 đồng;

- + 05 chai thuốc phân bón lá siêu vi lượng SiêuCanxiBo Gold hiệu Nuta Green mua vào tháng 10/2023 có trị giá tại thời điểm định giá (12/2023) là 1.250.000 đồng;

- + 03 bịch phân lân 86% hiệu GOLDSTAR mua vào tháng 10/2023 có trị giá tại thời điểm định giá (12/2023) là 1.500.000 đồng;

- + 01 dàn phun thuốc sâu có mô tơ 2.5HP màu xám mua vào năm 2022 có trị giá tại thời điểm định giá (12/2023) là 1.700.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh Bùi Văn T4 bị trộm cắp là 6.450.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng 22 giờ ngày 01/01/2024, T5, T1, R và S cùng chơi game quán nét” thuộc thôn H, xã I, huyện Đ thì R rủ cả nhóm đi trộm cắp tài sản. Ron điều khiển xe mô tô biển số 81B3-089.12 chở T1 còn S điều khiển xe mô tô biển số 81B3-251.96 chở T5 đi đến thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai rồi giấu xe trong vườn cà phê sau đó đi bộ tới nhà rẫy của anh T3 (sinh năm 1982, trú tại làng N, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai) để trộm cắp tài sản. Khi tới nhà rẫy, T5 dùng cây sắt đục tấm tôn trên cửa sổ nhưng không mở được nên cả nhóm đi ra cửa chính thì phát hiện cửa không khóa nên mở cửa đi vào trong. Khi vào trong R thấy không có tài sản gì giá trị nên nói S chở về. Sôn điều khiển xe biển số 81B3-251.96 chở Ron về, khoảng 30 phút sau thì S một mình quay lại cùng T1 và T5 lấy trộm 02 béc tưới nước màu trắng có gắn ống dẫn dài 3m, 02 bì thuốc sâu; 05 thùng phân bón tổng hợp; 01 dàn máy phun thuốc sâu có mô tơ màu xám, đầu phun màu đỏ rồi mang tất cả ra chỗ giấu xe chở đi tiêu thụ. Trên đường đi, do không biết bán 05 thùng thuốc

thực vật ở đâu nên các bị cáo đã vứt vườn vào cà phê (không nhớ vị trí) rồi tiếp tục chở dàn máy phun thuốc sâu về nhà hoang thuộc thôn H, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nhà không có người ở). Khi về đến nơi, T1 ở lại còn T5 điều khiển xe mô tô biển số 81B3-251.96 chở S mang dàn máy phun thuốc sâu đến bán ở tiệm phế liệu của anh Nguyễn Vinh Q1 thuộc làng M, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai được số tiền 1.000.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS ngày 15/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận:

+ 01 dàn phun thuốc sâu (không rõ nhãn hiệu) có mô tơ màu xám, đầu phun màu đỏ, mua vào năm 2018 có trị giá tại thời điểm định giá (01/2024) là 1.125.000 đồng;

+ 02 béc tưới nước màu trắng, gắn ống dẫn dài 03m mua vào tháng 01/2022 có trị giá tại thời điểm định giá (01/2024) là 1.000.000 đồng;

+ 05 thùng phân bón tổng hợp bón cho cây cà phê loại 20kg có trị giá tại thời điểm định giá (01/2024) là 3.600.000 đồng;

+ 02 bì thuốc sâu cho cây cà phê, loại 0,5 lít có trị giá tại thời điểm định giá (01/2024) là 1.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh T7 trộm cắp là 7.125.000 đồng.

Ngày 02/01/2024, anh Bùi Văn T4 và anh T8 trình báo sự việc đến Công an huyện Đ và yêu cầu giải quyết theo quy định.

Vật chứng và xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 81B3-251.96 do T1 sử dụng làm phương tiện đi phạm tội và xe mô tô biển số 81B3-251.96 do Chi Sơn do T1 sử dụng làm phương tiện đi phạm tội. Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 81B3-251.96 là tài sản của anh T2 (bố của T1) và xe mô tô biển số 81B3-251.96 là của anh X1 (bố của Chi S). Việc T1 và Chi S tự ý lấy xe đi phạm tội anh T2 và anh X1 không biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

- Đối với 05 thùng phân bón tổng hợp các bị cáo đã trộm cắp sau đó vứt đi nhưng không nhớ ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- Đối với 01 con dao và 01 cây sắt do T1 và T5 sử dụng để trộm cắp tài sản nhưng T1 và T5 đã vứt mất, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy nên không thu giữ được.

Về dân sự:

- Anh Bùi Văn T4 yêu cầu các bị cáo và đối tượng liên quan bồi thường số tiền theo Kết luận định giá tài sản là 15.950.000 đồng;

- Anh T9 các bị cáo và đối tượng liên quan bồi thường số theo Kết luận định giá tài sản là 7.125.000 đồng.

- Hiện các bị cáo và đối tượng liên quan chưa bồi thường.

Tại bản Cáo số 73/CT-VKS ngày 02-10-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo R, T5, T1 và T10 “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt chính:

- Đối với bị cáo R:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 58; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù;

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù của Bản án số 08/2024/HSST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù.

- Đối với bị cáo T5:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù.

- Đối với bị cáo T1:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

- Đối với bị cáo T6:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù;

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp với hình phạt 23 tháng tù của Bản án số 44/2024/HSST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 35 tháng tù đến 38 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không

Biện pháp tư pháp: Không.

Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự Điều 584; Điều 585 và Điều 592 của Bộ luật dân sự đề nghị tuyên:

Buộc các bị cáo R, T5, T1 và anh C1 Sơn mỗi người phải bồi thường số tiền 3.512.500 đồng cho bị hại Bùi Văn T4.

Buộc bị cáo T11 thường cho bị hại Bùi Văn T4 số tiền 1.900.000 đồng.

Buộc các bị cáo T5, và anh Chi S mỗi người phải bồi thường số tiền 2.375.000 đồng cho bị hại T3.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Đề nghị tuyên buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo đều nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với kết luận giám định, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 30/12/2023, R rủ T1, T5, T12 tượng Chi Sơn đến thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai trộm cắp 02 máy bơm nước của anh Bùi Văn T4 có tổng trị giá tài sản là 9.500.000 đồng.

Ngày 31/12/2023, R rủ T5, T1 và đối tượng Chi S đến thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai trộm cắp 03 béc tưới nước, 01 dàn máy phun thuốc trừ sâu, 02 chai thuốc trừ sâu, 05 chai thuốc phân bón lá và 03 bịch phân lân của anh Bùi Văn T4 có tổng trị giá tài sản là 6.450.000 đồng.

Ngày 01/01/2024, R rủ T5, T1 và đối tượng Chi S đến nhà rẫy của anh T3 thuộc thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai trộm cắp tài sản. Khi đến nơi R thấy không có tài sản gì giá trị nên R đi về còn T5, T1 và đối tượng Chi S ở lại lấy trộm 02 béc tưới nước; 02 bì thuốc sâu; 05 thùng phân bón tổng hợp và 01 dàn máy phun thuốc sâu có tổng trị giá tài sản là 7.125.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an xã hội. Tài sản mà các bị cáo R, T1, T5, Thuê cấp ngày 30/12/2023 có tổng trị giá tài sản là 9.500.000 đồng; tài sản mà các bị cáo R, T5, T1 trộm cắp ngày 31/12/2023 có tổng trị giá tài sản là 6.450.000 đồng và tài sản mà các bị cáo T5, T1 trộm cắp ngày 01/01/2024 có tổng trị giá tài sản là 7.125.000 đồng. Do vậy, hành vi của các bị cáo R, T5, Thuê Tuân đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa đã truy tố các bị cáo về các tội danh và điều luật như đã viện dẫn trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Các bị cáo phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo R từ ngày 30/12/2023 đến ngày 01/01/2024 đã trộm cắp tài sản 02 lần mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng và là người rủ rê bị cáo T1 và đối tượng Chi S là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo T13 30/12/2023 đến ngày 01/01/2024 đã trộm cắp tài sản 3 lần mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo T1 tính đến ngày 30/12/2023 và ngày 31/12/2023 bị cáo chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Thuê tham gia trộm cắp tài sản 01 lần nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo R, T5, T1 và Thuê trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, tính đến thời điểm phạm tội các bị cáo T1 và R đều dưới 18 tuổi nên các bị cáo được áp dụng mục Chương XII Quy chung về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo và giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng.

[4.] Về dân sự: Bị hại Bùi Văn T4 yêu cầu các bị cáo và đối tượng liên quan bồi thường số tiền theo Kết định giá tài sản là 15.950.000 đồng và bị hại Tuin cầu các bị cáo và đối tượng liên quan bồi thường số theo Kết định giá tài sản là 7.125.000 đồng.

Xét yêu cầu của đại diện bị hại là chính đáng và tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của bị hại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về các vấn đề khác:

Đối với Chi S: Theo Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 1692/KL-KTHS ngày 29/7/2024 của Phân viện khoa học kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Tính đến ngày 30/12/2023 là từ 13 năm 11 tháng đến 14 năm 5 tháng nên Chi S chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự. Do đó, hành vi của Chi S không cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với anh T2 là chủ sở hữu xe mô tô biển số 81B3-251.96 do T1 sử dụng làm phương tiện đi phạm tội và anh X1 là chủ sở hữu xe mô tô biển số 81B3-251.96 do Chi S sử dụng làm phương tiện đi phạm tội nhưng T1 và Chi S tự ý lấy xe đi phạm tội anh T2 và anh X1 không biết nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo R, T5, T1 và T10 “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Đối với bị cáo R:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 58; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo R 09 (chín) tháng tù;

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng với hình phạt 09 (chín) tháng tù của Bản án số 08/2024/HSST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án (ngày 12/4/2024).

- Đối với bị cáo T5:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Tran15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2024.

- Đối với bị cáo T1:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo T1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 10/12/2024).

- Đối với bị cáo T6:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Thuê12 (mười hai) tháng tù;

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng với hình phạt 23 (hai mươi ba) tháng tù của Bản án số 44/2024/HSST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 11 (mười một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2024.

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 592 của Bộ luật dân sự, tuyên:

Buộc các bị cáo R, T5, T1 và anh C1 Sơn mỗi người phải bồi thường số tiền 3.512.500 đồng cho bị hại Bùi Văn T4.

Buộc bị cáo T14 bồi thường cho bị hại Bùi Văn T4 số tiền 1.900.000 đồng.

Buộc các bị cáo T5, và anh Chi S mỗi người phải bồi thường số tiền 2.375.000 đồng cho bị hại T3.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường Quốc Hội;

Buộc các bị cáo R, T5, Thuê bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo R, T5, T1, T6 và anh C1 Sôn mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Rmah HThuyên